

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST
Ngày: 25-01-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 53/2017/TLST-KDTM ngày 21/11/2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST-KDTM ngày 26/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH N; địa chỉ: Số 55/10 T, Khu phố 7, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đức T, sinh năm 1990. Chức vụ: Nhân viên văn phòng; địa chỉ liên hệ: Số 343/20 V, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2017); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV Y; địa chỉ: Thửa đất số 612, tờ bản đồ 09, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nông Thị Th; chức vụ: Giám đốc Công ty; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2017, nguyên đơn Công ty TNHH N và ông Lê Đức T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công

ty TNHH N (sau đây viết tắt là Công ty N) có quan hệ mua bán hàng hoá với Công ty TNHH MTV Y (sau đây viết tắt là Công ty Y). Ngày 15/8/2017, Công ty N có bán cho Công ty Y 1.000 cái thùng thiếc, tổng giá trị của đơn hàng là 37.400.000 đồng. Công ty N đã xuất Phiếu xuất kho số 01944 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003487 cùng ngày 15/8/2017. Vào ngày 19/8/2017, Công ty N tiếp tục bán cho Công ty Y 1.000 cái thùng thiếc, tổng giá trị của đơn hàng là 39.050.000 đồng. Công ty N đã xuất Phiếu xuất kho số 01986 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003509 cùng ngày 19/8/2017. Tổng giá trị của hai đơn hàng là 76.450.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Công ty Y đã nhận hàng đầy đủ nhưng chưa thanh toán cho Công ty N khoản tiền nào mặc dù Công ty N đã nhiều lần yêu cầu Công ty Y thanh toán. Vì vậy, Công ty N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Y phải trả cho Công ty N số tiền 76.450.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngày 08/12/2017, Công ty Y có gửi cho Tòa án nhân dân thị xã T Bản cam kết của bà Nông Thị Th đề ngày 07/12/2017 với nội dung sẽ thanh toán toàn bộ số tiền 76.450.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) cho Công ty TNHH N vào ngày 25/12/2017. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn theo cam kết.

Tại phiên tòa, ông Lê Đức T đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty TNHH Một thành viên Y phải trả cho Công ty TNHH N số tiền còn nợ là 76.450.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty TNHH MTV Y trình bày: Tại văn bản đề ngày 07/12/2017 bà Nông Thị Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Y (Sau đây viết tắt là Công ty Y) thừa nhận có mua hàng hóa của Công ty TNHH N (sau đây viết tắt là Công ty N) như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bị đơn đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa thanh toán số tiền hàng còn thiếu cho nguyên đơn. Bị đơn cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền 76.450.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) cho Công ty TNHH N vào ngày 25/12/2017.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng Công ty TNHH MTV Y không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty TNHH N có bán hàng và giao hàng đầy đủ cho Công ty TNHH MTV Y. Bị đơn cũng thừa nhận có mua hàng hóa của nguyên đơn và cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền 76.450.000 đồng còn thiếu cho Công ty TNHH N vào ngày

25/12/2017 nhưng đến nay chưa thực hiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” mà bị đơn có trụ sở tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn Công ty TNHH MTV Y đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH MTV Y.

[2]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 76.450.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Mặc dù việc mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và Công ty TNHH MTV Y (sau đây gọi tắt là Công ty Y) không lập thành hợp đồng mua bán nhưng khi giao hàng cho Công ty Y thì Công ty N có xuất các Phiếu xuất kho số 01944 ngày 15/8/2017, số 01986 ngày 19/8/2017 (có ký nhận của bà Nông Thị Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty Y) và các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003487 ngày 15/8/2017, số 0003509 ngày 19/8/2017. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty Y đã gửi cho Tòa án văn bản cam kết đề ngày 07/12/2017 thừa nhận có mua hàng hóa của nguyên đơn và cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ là 76.450.000 đồng cho nguyên đơn vào ngày 25/12/2017. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện việc trả nợ theo cam kết.

Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là chứng cứ không cần chứng minh. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định giữa Công ty TNHH MTV Y và Công ty TNHH N có quan hệ mua bán hàng hóa và Công ty TNHH MTV Y còn nợ Công ty TNHH N số tiền mua hàng là 76.450.000 đồng. Theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho bên bán. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 30, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, 34 và Điều 50 Luật Thương mại;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH N đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Y về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Công ty TNHH Một thành viên Y phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 76.450.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH N không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả cho Công ty TNHH N số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013476 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3.2. Công ty TNHH MTV Y phải nộp số tiền 3.822.500 đồng (*Ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4.2. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hiền